TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HS-PT
Ngày 19-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo Huỳnh Trung C và Lê Đức T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2024/HS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Huỳnh Trung C, sinh năm 1996 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số G ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không ổn định; trình độ học vấn: lớp 6/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Huỳnh Văn C1, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1954; vợ: Chung Lệ Â, sinh năm 1994; con: có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Lê Đức T, sinh năm 2001 tại tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không ổn định; trình độ học vấn: lớp 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lê Văn L, sinh năm 1967 và bà Trần Thị H, sinh năm 1969; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Trần Thanh B, Võ Minh S, Nguyễn Phước T1, Nguyễn Quốc T2 nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị

phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 4 năm 2022, Lê Thị Hồng N có mượn tiền của Huỳnh Trung C nhiều lần với tổng số tiền là 28.000.000 đồng. Do đòi tiền N không trả nên C nhờ Trà Minh Đ1 tìm người đòi tiền dùm, Đ1 giới thiệu Trần Thanh B cho C quen biết.

Ngày 18/8/2023, C đi cùng B đến nhà N ở ấp T, thị trấn T, huyện T để đòi tiền nhưng N không có tiền trả nên C giao cho B tiếp tục đòi tiền hộ C.

Khoảng 12 giờ ngày 01/9/2023, sau khi nhận được điện thoại của Đ1 yêu cầu B và Lê Đức T đến nhà N đòi tiền cho C thì Lê Đức T điện thoại rủ Nguyễn Quốc T2, Trần Thanh B điện thoại rủ Võ Minh S và bảo S rủ thêm người để đi T lấy tiền nên S rủ thêm Nguyễn Phước T1 cùng đi. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Trần Thanh B, Võ Minh S, Lê Đức T, Nguyễn Phước T1, Nguyễn Quốc T2 tập trung tại cơ sở sản xuất nước đá của anh Nguyễn Thành N1 (nơi T làm thuê) ở ấp T, xã T, huyện M để đi huyện T đòi nợ, lúc này có Phan Thanh H1 (bạn của Trà Minh Đ1) đang chơi tại đây, H1 nghe B cùng nhóm đi xuống nhà Trà Minh Đ1 nhậu nên H1 xin đi theo. Khi đi, Trần Thanh B điều khiển xe mô tô biển số 71B1- 683.99 chở Võ Minh S ngồi sau mang theo một cây gậy kim loại, hai ná thun cao su và hai túi nhựa có chứa nhiều bi sắt, Nguyễn Phước T1 điều khiển xe mô tô biển số 71B1-887.57 chở Nguyễn Quốc T2, Phan Thanh H1 điều khiển xe mô tô (không xác định biển số) chở Nguyễn Đức T3 đi từ huyện M, tỉnh Bến Tre đi huyện T thì được C chỉ đường cho nhóm của B đi đến nhà của Nguyễn Phi S1 ở ấp A, xã A, huyện T để nhậu. Trong lúc nhậu, C yêu cầu B cùng nhóm đến nhà N để lấy tiền, nếu N không trả tiền thì đập cửa chính ra vào làm bằng kính nhà của N để N sợ trả tiền, C hứa, nếu lấy được tiền thì C sẽ cho tiền B cùng đồng bọn 50% trên tổng số tiền lấy được, B đồng ý. C đi mua hai cây búa bằng kim loại để phía trước nhà Nguyễn Phi S1 và nói với B "búa mua rồi, để trước lộ, khi nào đi thì lấy". Nghe vậy, Trần Thanh B, Võ Minh S, Nguyễn Phước T1, Nguyễn Quốc T2, Lê Đức T, Phan Thanh H1 cùng nghỉ nhậu, ra xe đi đến nhà chị N đòi tiền.

Khi đi, T2 lấy hai cây búa lên xe ngồi sau cho T1 chở đi. Trên đường đi, B hỏi cả nhóm "ai mua khẩu trang che biển số xe lại", nghe vậy T1 ghé vào tiệm T4 Quốc lộ E mua mười cái khẩu trang y tế và đưa cho T2 cầm, sau đó T2 lấy khẩu trang đưa cho Lê Đức T và Võ Minh S để đeo vào biển số xe. Lúc này, S nói "Tao có cây vũ ba khúc để tao vô đập cho, ai vô thì vô, còn lại ở ngoài", S hỏi T2 "mày vô không", T2 trả lời "để em ở ngoài cho" và T2 đưa cho Nguyễn Phước T1 một cây búa, T2 giữ lấy một cây búa. Do không nhớ đường vào Nhà N nên B gọi điện thoại cho C đến chỉ đường đi, do không có xe đi nên C nhờ Đ1 điều khiển xe mô tô biển số 71C3- 58.156 chở C đi. Trong thời

gian chờ C dẫn đường đến nhà N thì S đưa cho T một ná thun cao su và một số viên bi sắt. Khi gặp nhau, Đ1 chở C chạy trước, nhóm của B chạy sau. Khi đi ngang nhà N, Đ1 không biết nhà nên chạy qua luôn thì C bảo quay xe trở lại, C ngồi sau chỉ tay vào nhà của chị N cho B cùng nhóm biết rồi Đ1 và C chạy qua khỏi một đoạn thì dừng lại cho C xuống xe còn Đ1 điều khiển xe mô tô đi huyện M, tỉnh Bến Tre. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, nhóm của B đến nhà N, nhìn thấy N ở trong nhà, B hỏi "Tiền bạc chị thiếu anh C giờ tính sao", N trả lời "Chị nói rồi, một tháng chị trả 500.000 đồng, chị và C đã thỏa thuận xong rồi". N vừa nói xong, T dùng ná cao su bắn đạn bi sắt vào cửa kính bên phải gây nứt kính. S cầm gậy kim loại đi vào đập vào hai tấm cửa kính bên trái nhà của N làm vỡ kính hoàn toàn và tiếp tục dùng gậy kim loại đập vào tivi đang treo trên tường bên trái nhà làm nứt màn hình. Nguyễn Phước T1 dùng búa đập hai cửa kính bên phải của nhà N làm vỡ kính hoàn toàn. Nguyễn Quốc T2 cầm búa đứng bên ngoài cảnh giới. Sau khi đập phá tài sản xong B cùng đồng bọn lên xe tẩu thoát về huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐGTS ngày 29/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện T xác định: 04 tấm kính cường lực bị thiệt hại có giá trị là 14.676.750 đồng, màn hình ti vi bị thiệt hại có giá trị là 1.200.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là 15.876.750 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2024/HS-ST ngày 02/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Trung C và Lê Đức T phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 17; Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Trung C 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52, Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Đức T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên tội danh và trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khác, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Cùng ngày 12/8/2024, các bị cáo Huỳnh Trung C và Lê Đức T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù và được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo

của các bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Huỳnh Trung C, Lê Đức T phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và xử phạt bị cáo C 01 năm tù; bị cáo T 09 tháng tù. Xét kháng cáo của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo C cho rằng có con nhỏ và là lao động chính trong gia đình. Tuy nhiên bị cáo C là người giữ vai trò chính, bị cáo T là người thực hành đầu tiên. Không có cơ sở chuyển sang hình phạt khác nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đối với bị cáo T, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là không phù hợp. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Trung C 01 (một) năm tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Đức T 09 (chín) tháng tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản". Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bị cáo C tranh luận: Yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo T tranh luận: Yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo C yêu cầu áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ; bị cáo T yêu cầu giảm nhẹ hình phạt về phụng dưỡng cha mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 01/9/2023, tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre Huỳnh Trung C, Trần Thanh B, Võ Minh S, Nguyễn Phước T1, Lê Đức T, Nguyễn Quốc T2 có hành vi dùng ná bắn bi sắt, dùng gậy kim loại, búa đập vỡ, bể 04 tấm cửa kính cường lực và màn hình ti vi của chị Lê Thị Hồng N, với tổng giá trị thiệt hại là 15.876.750 đồng. Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản mà các bị cáo đã gây thiệt hại, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Huỳnh Trung C và Lê Đức T phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo quy định tại

khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo Huỳnh Trung C được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có anh ruột là liệt sĩ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Đức T được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có người thân có công với đất nước được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới. Bị cáo C cho rằng có hai con còn nhỏ là lao động chính trong gia đình.

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự (ghi tại quyết định của Bản án) đối với bị cáo T là không phù hợp, do khách thể bị xâm phạm là tài sản không thuộc trường hợp xâm phạm tính mạng hay sức khỏe. Tuy nhiên hình phạt 09 tháng tù đối với bị cáo T thấp hơn bị cáo khác là phù hợp.

Bị cáo C cho rằng có hai con còn nhỏ là lao động chính trong gia đình, tuy nhiên bị cáo giữ vai trò rủ rê, lôi kéo nhiều người, mua dụng cụ, chỉ nhà bị hại và yêu cầu nhiều người thực hiện hành vi đập phá tài sản của N để gây áp lực, buộc chị N trả tiền, Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo hay áp dụng hình phạt khác là phù hợp nên giữ nguyên theo như đề nghị của Kiểm sát viên.

Đối với bị cáo T là người thực hiện hành vi tích cực (đầu tiên) dẫn đến các đồng phạm khác thực hiện hành vi tiếp theo. Do vậy, cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo hay áp dụng hình phạt khác là phù hợp nên giữ nguyên theo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm;

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Trung C và Lê Đức T phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Trung C** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Đức T** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Huỳnh Trung C và Lê Đức T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khác, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện T (6b);
- VKSND huyện T (1b);
- Công an huyện T (1b);
- Chi cục THADS huyện T (1b);
- UBND xã A, huyện T (1b);
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (1b);
- Các bị cáo (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tỉnh